

Tiêu chuẩn lựa chọn giáo viên tư vấn và giáo dục hướng nghiệp ở trường trung học cơ sở

Đặng Thành Hưng¹, Đỗ Thị Bích Loan²

¹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2
Số 32, đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa,
thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Email: nga970@gmail.com

² Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Email: bichloan1095@gmail.com

TÓM TẮT: Giáo dục hướng nghiệp trong trường trung học cơ sở đóng vai trò quan trọng trong việc giúp học sinh tự giác điều chỉnh hướng đi, hướng chọn nghề phù hợp với năng lực, sở trường bản thân và nhu cầu nghề nghiệp của xã hội. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục hướng nghiệp, trong đó năng lực của giáo viên về giáo dục hướng nghiệp là yếu tố quyết định. Tuy nhiên, vấn đề này chưa bao giờ được đặt ra và giải quyết trong khoa học giáo dục. Bài viết phân tích các khái niệm, bản chất, đặc điểm của giáo dục hướng nghiệp và đề xuất khung năng lực giáo dục hướng nghiệp của giáo viên. Trên cơ sở đó, đưa ra tiêu chuẩn để lựa chọn giáo viên tư vấn, giáo dục hướng nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục hướng nghiệp trong trường trung học cơ sở.

TỪ KHÓA: Khung năng lực; giáo dục hướng nghiệp; tiêu chuẩn; giáo viên; trường trung học cơ sở.

→ Nhận bài 18/01/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 10/02/2019 → Duyệt đăng 25/03/2019.

1. Đặt vấn đề

Vấn đề năng lực (NL) giáo dục hướng nghiệp (GDHN) chưa bao giờ được đặt ra và giải quyết trong khoa học giáo dục (GD), nhưng thực tiễn GDHN lại đòi hỏi nhà trường phổ thông, đại học, cao đẳng phải có NL đó đủ để tham gia hệ thống công tác hướng nghiệp (HN) học sinh (HS). Người trực tiếp tiên hành công tác GDHN cho đến nay chưa được xác định cụ thể là ai, chuyên nghiệp hay là nhà giáo kiêm nhiệm. Bài viết này bước đầu nêu vấn đề và xác định nội dung, cấu trúc của NL GDHN như một bộ phận của NL nghề nghiệp của nhà giáo, chưa kể đến nhà tư vấn chuyên nghiệp. *Bài viết là sản phẩm nghiên cứu của đề tài KHGD/16-20.ĐT.002. “Giải pháp phân luồng HS sau THCS”, được tài trợ bởi Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp Quốc gia giai đoạn 2016-2020.*

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Bản chất của hướng nghiệp và giáo dục hướng nghiệp

Tại Điều 3, Nghị định 75/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật GD [1] đã xác định rõ HN trong GD là hệ thống các biện pháp tiến hành trong và ngoài nhà trường để giúp HS có kiến thức về nghề nghiệp và có khả năng lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

Đó là cách hiểu hành chính đơn thuần. Cần phân biệt HN và GDHN. HN chỉ là viết tắt của định hướng nghề nghiệp. Chủ thể của HN chính là học sinh (HS) - đó là định hướng nghề nghiệp chủ quan bên trong cá nhân, tương tự như định hướng giá trị, định hướng tư tưởng, định hướng đạo đức của mỗi người. Định hướng đó có thể đúng, có thể sai, có thể chính xác, có thể không chính xác. GDHN chính là tác động sự phạm bên ngoài giúp cá nhân hình thành (nếu chưa

có) hoặc điều chỉnh định hướng nghề nghiệp của mình cho đúng, chính xác (nếu đã có).

Như vậy, *khái niệm GDHN được hiểu là nhiệm vụ GD HS của nhà trường thông qua những tác động sự phạm có hệ thống nhằm giúp các em tiến tới quyết định và hành động chọn nghề cho mình trên cơ sở định hướng nghề nghiệp cá nhân đúng đắn, có trách nhiệm, tự chủ, tự giác, tự nguyện và tự do của chính mình, tạo điều kiện sau này thích ứng nghề hiệu quả và ngày càng nâng cao sự phù hợp nghề.*

Trong hệ thống công tác HN, ngoài GDHN còn có những tác động tâm lí (nghiên cứu và tư vấn tâm lí cá nhân), tác động y khoa (nghiên cứu đặc điểm sinh học cá nhân và tư vấn y khoa), những tác động xã hội (tham vấn và tư vấn về thế giới nghề nghiệp, về con đường học tập, rèn luyện văn hóa chung để phù hợp và thích ứng nghề). Các thành phần cơ bản của hệ thống công tác HN thường được xác định gồm:

- *Tuyên truyền, giáo hóa nghề* - tức là khai sáng ban đầu về nghề, giúp cá nhân hiểu về thế giới nghề nghiệp, nội dung, tính chất của lao động và yêu cầu cơ bản của nghề, phát triển một số KN tiền nghề nghiệp và tình cảm tương ứng. Phần này liên quan nhiều nhất đến GDHN trong nhà trường và GDHN trên truyền thông đại chúng. Hồ sơ chủ yếu của hoạt động này là các tài liệu mô tả, phân tích nghề và quảng bá nghề.

- *Tư vấn nghề* (tâm lí, sự phạm, y khoa và xã hội): Bao hàm cả các hình thức tham vấn chia sẻ - Nghiên cứu, đo lường, quan sát các đặc điểm tâm lí, sinh học và xã hội của cá nhân và chia sẻ những dữ liệu đó với chính họ kèm theo những lời khuyên, góp ý, gợi ý để mỗi HS hiểu rõ chính mình, hiểu rõ quan hệ của những đặc điểm ấy với những yêu cầu của nghề nhất định.

- *Tuyển chọn nghề*: Từ dữ liệu của một cá nhân, dựa vào

các tài liệu mô tả và phân tích nghề mà tuyển chọn 5 nghề hay chuyên môn thích hợp nhất với cá nhân đó, có sắp xếp ưu tiên. Ví dụ, với HS A, tuyển chọn và giới thiệu cho em đó biết em thích hợp nhất với nghề sư phạm, hai là nghề thư kí văn phòng, ba là nghề nghiên cứu xã hội, bốn là nghề tiếp viên du lịch và năm là nghề luật sư.

- *Xác lập sự phù hợp nghề*: Trước khi tư vấn và tuyển chọn nghề phải xác lập sự phù hợp nghề của cá nhân qua chẩn đoán nghề. Tuy nhiên, đó chỉ là chẩn đoán nghề. Sự phù hợp nghề còn tiếp tục thay đổi khi hành nghề. Trên lý thuyết có thể phù hợp cao, nhưng khi đi làm rồi mới trải nghiệm thực sự và có thể không hoặc ít phù hợp nghề do nhiều điều kiện khác ảnh hưởng. Xác lập sự phù hợp nghề luôn đi kèm với chẩn đoán nghề.

- *Thích ứng nghề*: Về nguyên tắc, có sự phù hợp nghề thì có khả năng thích ứng nghề song không nhất thiết như vậy. Ví dụ, có người rất phù hợp với nghề dạy học nhưng lại thích ứng không tốt rồi dần dần chán nghề, tụt hậu và không thỏa mãn với nghề của mình. Ngược lại, có người không phù hợp lắm song do trải nghiệm nhiều niềm vui thành công trong dạy học nên yêu nghề và không có vấn đề khó khăn trong thích ứng nghề.

GDHN có thể tham gia vào mọi khâu hay nhiệm vụ nói trên trong hệ thống công tác HN của nhà nước, xã hội, nhà trường và gia đình. Tuy nhiên, GD chỉ tham gia đúng nghĩa ở vai trò GD, tức là tác động sư phạm. GD không thể nghiên cứu chẩn đoán tâm lí hay y khoa, không thể tư vấn tâm lí, y khoa hay xã hội học, không thể tư vấn kinh tế... khi tham gia công tác HN. Đó là căn cứ để xác định bản chất và cấu trúc NL GDHN của GV phổ thông.

2.2. Khung năng lực giáo dục hướng nghiệp của giáo viên trung học cơ sở

2.2.1. Một số khái niệm

NL GDHN là NL sư phạm, một phần của NL nghề nghiệp của nhà giáo. *NL (competency) là thuộc tính cá nhân có bản chất sinh học, tâm lí và xã hội cho phép cá nhân thực hiện thành công hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể* [2]. Những điều kiện đó bao gồm 2 loại: 1/ Các điều kiện về cách thức và kết quả. Ví dụ, hạn định thời gian, quy định chất lượng và số lượng sản phẩm phải hoàn thành; 2/ Điều kiện môi trường. Ví dụ, phương tiện, địa bàn, địa hình, thời tiết, nhiệt độ... Chẳng hạn, có NL dạy học nhưng đột nhiên bắt lên đỉnh Everest để dạy thì không dạy được, có NL tính toán thống kê nhưng không có phần mềm thích hợp thì không tính được.

NL nghề nghiệp nhà giáo là NL nhưng áp dụng cho hoạt động GD. Vì vậy, *NL nghề nghiệp của nhà giáo là tổ hợp những thuộc tính sinh học, tâm lí và xã hội của cá nhân cho phép nhà giáo thực hiện thành công các nhiệm vụ dạy học và GD, ứng xử đạo đức và giao tiếp văn hóa nghề nghiệp trong phạm vi môn học và hoạt động GD ngoài môn học mà mình được trường giao cho* [3].

NL GDHN lại là một phần NL nghề nghiệp nhà giáo nên có thể hiểu nó là *NL nghề nghiệp giúp nhà giáo tiến hành thành công các nhiệm vụ GDHN đáp ứng được những quy*

định đã đề ra trong những điều kiện cụ thể của hoạt động tại cấp trường.

2.2.2. Đặc điểm giáo dục hướng nghiệp ở trường trung học cơ sở

GDHN ở THCS có hai mục tiêu tương đối phân biệt, đó là: 1/ Nó chuẩn bị cho HS tiếp tục học THPT và lên cao hơn nữa; 2/ GDHN cũng góp phần phân luồng HS THCS vào các kênh học nghề hoặc trực tiếp bước vào lao động sản xuất cùng với học nghề tại cơ sở sản xuất. Vì vậy, cho dù mới ở lứa tuổi THCS, HS cũng cần được GDHN tương đối chu đáo đến mức độ có khả năng định hướng nghề và tự giác chọn nghề, bất kể đó là nghề phải học lên cao nữa hay nghề có thể tham gia ngay sau THCS.

Đặc điểm đó của GDHN ở THCS bắt buộc NL GDHN của nhà giáo ở THCS phải tương đối toàn diện. Một mặt phải độc lập tiến hành tất cả những nhiệm vụ của công tác HN từ góc độ GD, mặt khác phải hiểu rõ và có KN làm việc hợp tác với những nhiệm vụ khác trong hệ thống công tác HN như tư vấn y khoa, tư vấn xã hội học, tâm lí học và tư vấn kinh tế. Nhà giáo không trực tiếp làm được những việc này. Ví dụ, đơn giản một xét nghiệm y khoa cũng không thể và không được phép làm. Nhưng nhà giáo HN cần hiểu biết những nhiệm vụ đó và có KN làm việc hợp tác với các chuyên gia đó, hiểu những hồ sơ mà họ cung cấp.

2.2.3. Khung năng lực giáo dục hướng nghiệp của giáo viên trung học cơ sở

Từ đặc điểm GDHN ở cấp THCS, có thể đề xuất khung NL GDHN ở THCS gồm 5 năng lực chính sau: 1/ NL truyền thông HN; 2/ NL nghiên cứu HS và chẩn đoán sư phạm về sự phù hợp nghề, khả năng thích ứng nghề của HS; 3/ NL tư vấn GD và tham vấn nghề cho HS; 4/ NL thiết kế và tiến hành dạy học, hoạt động GDHN; 5/ NL làm việc hợp tác trong hệ thống công tác HN. Các NL này được mô tả cụ thể về kiến thức, KN và thái độ trong Bảng 1. (xem Bảng 1).

a. NL truyền thông HN

Nhà giáo phải biết tập hợp tư liệu, KN thiết kế các chương trình truyền thông GDHN trong nhà trường, trong cộng đồng, trên truyền hình, trên báo chí và trong các dịp quan hệ công chúng (Public Relation) và tổ chức sự kiện có liên quan. NL này gọi tắt là NL truyền thông trong GDHN. Nhà giáo phải thiết kế, phát triển các tài liệu mô tả nghề (họa đồ nghề nghiệp), giới thiệu nghề và việc làm trong các sách chỉ dẫn, tra cứu, phát triển các trang web quảng bá nghề, viết các bài báo tuyên truyền nghề, thành lập và điều hành các câu lạc bộ GDHN, thiết kế và tập hợp cơ sở dữ liệu về thế giới nghề nghiệp, việc làm, nhu cầu đào tạo và sử dụng lao động... Ngày nay, việc thiết kế họa đồ nghề nghiệp rất thuận tiện nhờ internet và công nghệ số hóa, tài nguyên phong phú và thông tin nhanh chóng, tài liệu tuyên truyền nghề cũng đẹp và giá thành thấp.

b. *NL nghiên cứu HS và chẩn đoán sư phạm về sự phù hợp nghề, khả năng thích ứng nghề của HS*

Bảng 1: Khung NL GDHN

NL	Kiến thức	KN	Thái độ
(1) NL truyền thông HN	Tri thức về các nghề.	KN phát triển tài liệu tuyên truyền nghề.	Thái độ trung thực với công việc.
	Tri thức về HN.	KN tổ chức sự kiện, quảng bá về nghề.	Ý thức trách nhiệm nghiêm túc.
	Tri thức về GD THCS.	KN xử lí thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động liên quan đến CTGD THCS.	Tận tâm và nhạy bén trong công việc.
(2) NL nghiên cứu HS và chẩn đoán sự phạm về sự phù hợp nghề, khả năng thích ứng nghề của HS	Tri thức về chẩn đoán sự phạm.	KN chẩn đoán học lực, thành tích học tập, thái độ, hành vi học tập.	Thái độ thận trọng trong nghiên cứu và chẩn đoán.
	Tri thức về nghiên cứu HS.	KN phỏng vấn, điều tra, trắc nghiệm GD, phân tích hành vi.	Thái độ khách quan và tỉ mỉ trong giao tiếp.
	Tri thức về đo lường và đánh giá HS.	KN đo lường và đánh giá sự phát triển của HS trong học tập.	Thái độ khuyến khích, động viên HS và chân thành với HS.
(3) NL tư vấn GD và tham vấn nghề cho HS	Tri thức về tư vấn và tham vấn sự phạm.	KN tiến hành tư vấn và tham vấn cá nhân và nhóm HS..	Thái độ ân cần, lắng nghe và tôn trọng bày tỏ của HS.
	Tri thức về trạng thái phát triển của HS.	KN nhận diện trạng thái nhận thức, sinh học và hoàn cảnh của HS.	Thái độ công bằng, hợp tác và cộng tác thân thiện.
	Tri thức về giao tiếp trong tư vấn.	KN năng giao tiếp trong quá trình tư vấn và tham vấn sự phạm.	Thái độ chủ động, khuyến khích, tôn trọng HS.
(4) NL thiết kế và tiến hành dạy học, hoạt động GDHN	Tri thức thiết kế môn học tích hợp GDHN.	KN thiết kế môn học tích hợp nội dung GDHN và KN thực thi thiết kế đó.	Thái độ nhất quán giữa thiết kế và thực thi thiết kế.
	Tri thức thiết kế hoạt động GDHN.	KN thiết kế các hoạt động GDHN và KN thực thi thiết kế đó.	Thái độ nhất quán giữa thiết kế và thực thi thiết kế.
	Tri thức thiết kế hoạt động GD khác tích hợp HN.	KN thiết kế các hoạt động GD ngoài môn học tích hợp GDHN và KN thực thi thiết kế đó.	Thái độ nhất quán giữa thiết kế và thực thi thiết kế.
(5) NL làm việc hợp tác trong hệ thống công tác HN	Tri thức về văn hóa hợp tác nói chung	KN làm việc hợp tác nói chung trong GD.	Thái độ ôn hòa, thân thiện, khoan dung.
	Tri thức về những yêu cầu hợp tác trong công tác HN	KN làm việc hợp tác với các chuyên gia HN.	Thái độ ôn hòa, chú ý và quan tâm đến đối tác.
	Tri thức về tổ chức làm việc hợp tác.	KN thiết kế, tổ chức môi trường, quan hệ hợp tác.	Thái độ cởi mở, thân thiện.

NL này giúp phát hiện những đặc điểm của học tập, tính cách mà HS biểu hiện hằng ngày. GV phải phân tích kết quả học tập, quan sát hoạt động, phân tích hành vi và giao tiếp của HS có hệ thống, đánh giá học lực và những KN liên quan như KN làm việc hợp tác, KN xã hội, KN học tập cơ bản, hứng thú, nhu cầu, thái độ đối với các lĩnh vực học tập khác nhau, ý chí và tình cảm trong học tập, giao tiếp... Những kết quả nghiên cứu đó cho phép nhà giáo có thể chẩn đoán phần nào từ góc độ sự phạm mức độ và phạm vi phù hợp nghề cũng như điều kiện để thích ứng nghề và cải thiện sự phù hợp nghề.

c. NL tư vấn GD và tham vấn nghề

Nhà giáo cũng tư vấn nghề nhưng chỉ là tư vấn sự phạm, kèm theo tham vấn. Chủ yếu là trò chuyện, khuyến khích, điều chỉnh định hướng nghề của HS bằng cách gợi ý, khuyên bảo, mách nước... giúp các em suy nghĩ và quyết định chín chắn. Tư vấn sự phạm là NL hiểu HS từ góc độ GD như học lực, nhu cầu học tập, xu hướng nghề, tính

cách nghề, năng lực học tập và nhận thức... để từ đó đưa ra những lời khuyên, những tác động sự phạm hỗ trợ HS học tập, rèn luyện, điều chỉnh định hướng giá trị nghề nghiệp, tự giác trong lựa chọn con đường nghề nghiệp. Phương pháp cơ bản của tư vấn sự phạm là quan sát, theo dõi, tập hợp dữ liệu, phán đoán... lâu dài về HS.

d. NL thiết kế và tiến hành dạy học, hoạt động GDHN

Các hoạt động GD trong nhà trường có 2 loại: 1/ Trong các môn học: 2/ Ngoài các môn học. Ngày nay, môi trường học tập không xác định trên lớp hay không, ở đâu cũng được, lớp cũng không phải là 4 bức tường. Hoạt động là hình thức trải nghiệm sâu sắc. Dạy học phải tăng tính thực tiễn và tạo cơ hội trải nghiệm, sáng tạo của HS.

NL này cho phép nhà giáo thiết kế được nội dung, phương pháp, biện pháp và kĩ thuật GDHN trong môn học mà mình dạy và trong hoạt động GD ngoài môn học mà mình tổ chức. Có nghĩa là tích hợp GDHN vào môn học hoặc hoạt động GD ngoài môn học. Ví dụ, tích hợp GDHN vào môn

Địa lí, Lịch sử, Vật lí ... hoặc trong buổi tham quan làng nghề truyền thống hay khu công nghiệp nào đó.

Bên cạnh thiết kế là NL tiến hành dạy học và GD ngoài môn học theo hướng trải nghiệm và phát triển NL tiền nghề nghiệp của HS theo những thiết kế đó. Đây là NL thực thi những thiết kế dạy học và hoạt động GD ngoài môn học nhằm GDHN. Ví dụ, phải biết cách hướng dẫn kĩ thuật cho HS thiết kế dự án học tập và tiến hành học tập dựa vào dự án, chẳng hạn dự án về trồng cây trong môn Sinh vật, hay dự án Lắp ráp mạng điện sinh hoạt trong căn hộ chung cư, trong lớp học... Nhà giáo phải biết tổ chức và triển khai các hoạt động GDHN khi tham quan các doanh nghiệp, các trường nghề và đại học, tham gia lao động công ích, các lễ hội nghề nghiệp. Trước hết, nhà giáo cũng phải biết dạy học trực tiếp các bài học tích hợp với GDHN trong môn học mà mình phụ trách theo thiết kế của chính mình. Ví dụ, tuyên truyền nghề gốm Bát Tràng khi dạy Lịch sử hay Địa lí...

e. NL làm việc hợp tác trong hệ thống công tác HN

Đó là NL tham gia hệ thống công tác HN chung của toàn bộ các lực lượng nhà trường, xã hội, gia đình, doanh nghiệp... Nền tảng để tham gia hiệu quả chính là NL làm việc hợp tác. Hợp tác trong truyền thông, nghiên cứu chẩn đoán, tư vấn nghề, GD các KN tiền nghề nghiệp... Hợp tác còn có nghĩa nhà giáo phải đọc hiểu và ứng dụng được những dữ liệu y khoa, tâm lí, xã hội học, kinh tế và sinh thái ... do các chuyên gia khác chia sẻ vào trong nhiệm vụ GDHN của mình.

2.2.4. Các cấp độ năng lực giáo dục hướng nghiệp của giáo viên

NL GDHN được chia làm 5 cấp độ, nội dung của các cấp độ được mô tả trong Bảng 2.

2.3. Tiêu chuẩn lựa chọn giáo viên làm công tác giáo dục hướng nghiệp ở trung học cơ sở

a. NL GDHN

Tiêu chuẩn 1, đáp ứng cấp độ 2 của NL GDHN, ứng viên phải có đủ 5 NL thành phần và tổng thể phải đạt cấp 2.

b. NL lãnh đạo

Tiêu chuẩn 2, là NL thuyết phục, cuốn hút, khuyến khích,

động viên, khích lệ HS trong những tình huống các em thất vọng hay thiếu tự tin.

c. NL quản lí

Tiêu chuẩn 3, là NL quản lí tổng quát, quản lí dạy học, quản lí nhân sự (HS và các nhân sự làm GDHN), quản lí nhóm hợp tác, quản lí hành vi HS và quản hành vi của chính mình, quản lí stress ...

d. NL giao tiếp

Tiêu chuẩn 4, là NL giao tiếp cần thiết trong nghiên cứu, chẩn đoán, tư vấn nghề, dạy học và tổ chức HĐGD, đồng thời trong quá trình làm việc hợp tác càng cần hơn nữa.

e. NL hoạt động xã hội

Tiêu chuẩn 5, là NL hoạt động xã hội để tiến hành truyền thông, nghiên cứu thế giới nghề nghiệp, tổ chức sự kiện, quảng bá và tuyên truyền nghề, thiết kế nhóm tư vấn hợp tác, tổ chức các hoạt động GD ngoài môn học, ngoài trường...

f. Xu hướng và thái độ tích cực với GDHN

Tiêu chuẩn 6, là xu hướng và thái độ tích cực với GDHN. Tính cách thích hợp với nhiệm vụ GDHN bao gồm tình cảm, thái độ, tinh chuyên nghiệp, trách nhiệm, ý chí và sự tận tụy với công việc.

2.4. Con đường cơ bản đào tạo năng lực giáo dục hướng nghiệp cho giáo viên phổ thông

Con đường chủ đạo là đưa GDHN vào nội dung đào tạo nghiệp vụ sư phạm và biện pháp dạy học NL GDHN phải là nghiên cứu trường hợp, học tập dựa vào dự án. Không thể dạy NL suông, bất kể là NL nào cũng phải qua làm việc mới có được. Để đào tạo NL GDHN ở trường sư phạm thì không thể tích hợp với học phần nào, mà đó là một hoặc một số học phần với tổng số 6-10 tín chỉ thì mới có tác dụng. Yêu cầu của GDHN ngày càng gay gắt, nhưng NL GDHN của GV vẫn chưa hề đáp ứng nổi một phần nhỏ nên không thể coi NL GDHN là phần phụ thêm vào được.

Con đường hữu ích nữa là nhà trường phổ thông phải bồi dưỡng GV tại chỗ thông qua tổ chức GDHN cho HS theo hướng hợp tác với doanh nghiệp và các tổ chức nghề nghiệp, các cơ quan khoa học, các cơ sở dạy nghề và cao đẳng, đại học. Trong quan hệ hợp tác này, GV có cơ hội học

Bảng 2: Các cấp độ của NL GDHN

Các cấp	Mô tả
Cấp 1: Tập sự	- Có tương đối đủ 5 thành phần NL nhưng chưa rõ nét, chưa thể hiện rõ các KN cụ thể. - Hành động chưa trôi chảy, có nhiều sai lầm và vấp vấp.
Cấp 2: Khởi sự	- Đủ các thành phần NL và tương đối ổn định. - Hành động chưa trôi chảy nhưng ít sai lầm và vấp vấp.
Cấp 3: Có nghề	- Đủ các thành phần NL và chúng ổn định trong nhiều hoàn cảnh làm việc khác nhau. - Hành động trôi chảy, đảm bảo logic nhất quán, không có sai lầm và có thể có vấp vấp chút ít.
Cấp 4: Thành thạo	- Hành động hoàn toàn đầy đủ thành phần, thể hiện rõ và phù hợp cơ sở tri thức và thái độ. - Hành động lưu loát, linh hoạt và di chuyển trong nhiều hoàn cảnh khác nhau mà vẫn thành công.
Cấp 5: Chuyên gia	- Trình độ như cấp 4, song có NL huấn luyện cho người khác NL này. - Có thể nghiên cứu và cải thiện liên tục hiệu quả làm việc.

hỏi rất nhiều về thể giới nghề nghiệp, giúp họ tư liệu sinh động để tuyên truyền nghề, tư vấn sự phạm, chẩn đoán sự phạm, thậm chí còn có thể học được nhiều KN tiền nghề nghiệp quý giá mà sau này họ có thể tư vấn cho HS.

Ngoài ra, con đường cơ bản nhất vẫn là tự học và rèn luyện của GV. Đó là con đường khó khăn nhất nhưng không thể không đi nếu muốn có NL GDHN. GV chủ nhiệm, GV Công nghệ và GV Ngữ văn, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Địa lí, Lịch sử ... phải đi đầu trong học tập và rèn luyện NL GDHN.

3. Kết luận

Tài liệu tham khảo

- [1] Chính phủ, (2006), *Nghị định 75/2006/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Giáo dục.*
- [2] Đặng Thành Hưng, (2012), *Năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực*, Tạp chí Quản lí Giáo dục, số 43, tháng 12, tr.18-26.
- [3] Đặng Thành Hưng, (2016), *Mô hình năng lực nghề nghiệp của nhà giáo hiện đại*, Tạp chí Khoa học dạy nghề, số 28-29, tháng 1, 2, tr.14-18.

STANDARDS FOR SELECTION OF COUNSELING AND CAREER GUIDANCE TEACHERS IN LOWER SECONDARY SCHOOLS

Dang Thanh Hung¹, Do Thi Bich Loan²

¹ Hanoi Pedagogical University 2
32 Nguyen Van Linh, Xuan Hoa ward,
Phuc Yen city, Vinh Phuc province, Vietnam
Email: nga970@gmail.com

² The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam
Email: bichloan1095@gmail.com

ABSTRACT: *Career guidance education plays an important role in helping students in lower secondary school to adjust their own path suitable with their abilities, strengths and the professional needs of the society. There are many factors affecting the effectiveness of career guidance education, in which the competencies of career guidance teachers are the decisive factor. However, this issue has never been raised and solved in education science. The paper analyzes the concepts, nature and characteristics of the career guidance education, then suggests a competency career guidance framework for teachers. On that basis, the authors set up standards for selecting counseling and career guidance teachers in lower secondary schools in order to improve the effectiveness of career guidance education at schools.*

KEYWORDS: Competency framework; career guidance education; standards; teachers; lower secondary schools.